

Bản án số: 21/2018/HS-PT

Ngày: 02-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bạch Đăng Thi

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng;
Ông Ong Thân Thắng.

- Thư ký phiên toà: Ông Dương Đình Hưng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hồng Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 02/3/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 205/2017/HSPT ngày 07/11/2017 đối với các bị cáo Hoàng Văn A, Nguyễn Văn T1 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1, người đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với bản án hình sự sơ thẩm số 34/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Văn A**, sinh năm 1985; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn Q (Đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, chưa có; Tiền sự: chưa có; Bị tạm giữ từ ngày 04/4/2017; Bị bắt, tạm giam từ ngày 13/4/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1990 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1968 (Đã chết) và bà Trịnh Thị P, sinh năm 1968; Có vợ Hoàng Thị N1, sinh năm 1995 và chưa có con; Tiền án: Ngày 18/10/2011, Nguyễn Văn T1 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày

04/9/2014, Nguyễn Văn T1 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/8/2016; Tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 08/4/2017; Bị bắt, tạm giam từ ngày 17/4/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1: Ông Trần Công Thịnh, Luật sư
– Văn phòng luật sư Vạn An, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo:*

Bà Trần Thị C, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M1, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

Bà Dương Thị N2, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Hoàng Tuấn A1, sinh năm 1979 (Có mặt)

2. Chị Trịnh Thị P, sinh năm 1968 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

3. Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

4. Anh Ninh Văn T2, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

5. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

6. Anh Bùi Mạnh C1, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

7. Anh Nguyễn Minh H2, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phố C, thị trấn G, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

8. Anh Hoàng Xuân T3, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phố T, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

9. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- *Người làm chứng:*

1. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1952 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Phạm Văn P, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Nguyễn Cao C2, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phố C, thị trấn G, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Đặng Huy B, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

- Địa chỉ: Phố C, thị trấn G, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
5. Anh Nguyễn Thái T4, sinh năm 1996 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐQ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
6. Anh Hoàng Văn H3, sinh năm 1992 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn V, xã Tì, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
7. Anh Hà Quang P1, sinh năm 1997 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Phố TN, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
8. Anh Trịnh Đăng D, sinh năm 1992 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Phố TN, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
9. Anh Trịnh Quốc C3, sinh năm 1993 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
10. Anh Hoàng Tùng L1, sinh năm 1970 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Phố C, thị trấn G, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
11. Anh Chu Đức T5, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Phố C, thị trấn G, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
12. Anh Hoàng Ngọc H4, sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
13. Anh Đặng Quang T6, sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn TC, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
14. Anh Phùng Văn T7, sinh năm 1994 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.
15. Bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1956 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
16. Nguyễn Đình T9, sinh năm 1979 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
17. Nguyễn Thị T10, sinh năm 1978 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 03/4/2017, Hoàng Văn A, sinh năm 1985 ở thôn C, xã T, huyện Y đi xe mô tô chở Phùng Văn T7, sinh năm 1994 ở Thôn D, xã T, huyện Y từ thị trấn B về xã T. Khi đến gần trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn B thì gặp Nguyễn Thái T4, sinh năm 1996 ở Thôn Đ, xã B, huyện Y đi xe mô tô chở Nguyễn Thị H5, sinh năm 2000, ở thôn ĐC, xã TH đi cùng chiều phía trước. Do quen biết T12 nên T7 gọi “*T12 ơi*”, T12 không nghe thấy nên không trả lời thì A đi xe mô tô song song với xe của T12 và chửi “*Đ mẹ thằng T12, anh em gọi mà cứ bơ*”, T12 trả lời “*Anh A, anh T7 à em tưởng ai, em ghét nhất thằng nào mang bố*”.

mẹ em ra chửi”, A nói “*Thế anh xin lỗi mày được không, anh xin lỗi mày nhá*”, T12 không nói gì. Sau đó, A chở T7 về thôn D, xã T, T12 chở H5 về đến thôn S, xã B thì H5 xuống xe, còn T12 vào nhà Đặng Văn D1, sinh năm 1991 ở thôn S, xã B chơi. Khi về đến thôn D, xã T thì A gặp Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990 cùng thôn, A nói cho T1 biết việc lúc trước gặp T12 có lời qua tiếng lại với T12 thì T1 điện thoại cho T12 để hỏi về sự việc trên, thì T12 nói với T1 hỏi lại A, nên T1 điện thoại cho Hoàng Văn H3, sinh năm 1992, ở thôn C, xã T để thuê xe ô tô, mục đích đi tìm gặp T12 để nói chuyện. T1 bảo H3 đón T1 đi có việc thì A bảo T1 “*Cứ ở đây, tý anh quay lại*” rồi A đi xe về nhà, T7 cũng đi về nhà. Lúc này, T1 điện thoại cho Nguyễn Văn T13, sinh năm 1998, ở thôn L, xã TT, huyện T đang ở nhà T1 cùng với Ninh Văn T2, sinh năm 1993, ở thôn Y, xã TH, Hoàng Văn D2, sinh năm 2000, ở thôn 7, Trịnh Quốc C3, sinh năm 1993, ở thôn V, xã Đ. Ninh Văn T2 nghe điện thoại của T13 thì nghe thấy Nguyễn Văn T1 nói “*Mang đồ đi bắt thằng T12*”. Sau đó, Ninh Văn T2 và T13 mỗi người cầm theo 01 con dao, D2 cầm theo 01 chiếc gậy rút bằng kim loại, còn C3 không cầm gì, rồi tất cả cùng nhau đi bộ ra đường rẽ vào nhà Nguyễn Văn T1 đợi. Sau khi Nguyễn Văn T1 được H3 đi xe ô tô đến đón, Nguyễn Văn T1 bảo H3 đến đón nhóm Ninh Văn T2, D2, T13 và C3. Khi xe H3 đến thì tất cả lên xe ô tô H3 chở đi sang hướng thị trấn B.

Đối với A, sau khi về nhà, A điện thoại cho Hoàng Cao C4, sinh năm 1984, ở phố CT, thị trấn CG là người có chiếc xe ô tô TOYOTA INNOVA loại 07 chỗ làm dịch vụ chở khách thuê, A bảo C4 đến nhà đón A đi có việc. C4 đồng ý và đi xe ô tô đón A tại nhà, A đem theo 01 bao tơ rứa, bên trong đựng 04 con dao gồm: 03 con dao chuôi bằng gỗ màu đen, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, 01 con dao thường gọi là dao “*Giọt lệ*” lên xe. C4 rồi đi đón Hà Quang P1, sinh năm 1977 cùng thôn và cùng nhau đi sang hướng Thị trấn B. Lúc này, nhóm của Nguyễn Văn T1 trên đường sang thị trấn B thì Nguyễn Văn T1 điện thoại cho Đặng Văn D1 hỏi T12 có ở nhà D1 không thì D1 nói có, nên nhóm Nguyễn Văn T1 đến nhà D1 để tìm T12. Sau khi D1 nghe điện thoại của Nguyễn Văn T1 xong và bảo T12 đi khỏi nhà D1 thì D1 đi chơi, còn T12 đi đến quán điện tử Big Game thuộc thôn Đ, xã B ngồi chơi điện tử. Khi nhóm Nguyễn Văn T1 đến nhà D1 không thấy ai ở nhà. Lúc này nhóm Nguyễn Văn T1 gặp xe ô tô của C4 chở P1 và A đến, A rủ nhóm Nguyễn Văn T1 sang xã B ăn đêm. H3 chở nhóm Nguyễn Văn T1, C4 chở nhóm A đến quán ăn của gia đình anh Nguyễn Đình T9, sinh năm 1979, ở thôn Đ, xã B, để ăn đêm và uống rượu. Khi nhóm Nguyễn Văn T1 và nhóm A vào quán anh T9 thì Ninh Văn T2 và T13 mỗi người cầm theo 01 con dao mang theo từ trước vào để trong quán. Lúc này trong quán có Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1985, Hoàng Văn T14, sinh năm 1989 và Đặng Quang T6, sinh năm 1990 đều ở thôn T, xã Đ đang ngồi ăn đêm. Do H1 là bạn của A, nên nhóm A và nhóm Nguyễn Văn T1 đã ngồi

gần bàn của nhóm H1 để ăn, uống rượu cùng nhau. Sau đó, T13 nói có người quen đang chơi điện tử trong quán Big Game, nên T13 và D1 đi bộ xuống quán để tìm T12, D1 cầm theo 01 chiếc gậy rút bằng kim loại. Khi nhóm Nguyễn Văn T1 và A ngồi ăn được khoảng 15 phút thì T13 điện thoại thông báo cho Nguyễn Văn T1 biết T12 đang ở trong quán điện tử Big Game thì Nguyễn Văn T1 cùng A, C3 và Ninh Văn T2 đi bộ xuống. Nguyễn Văn T1 cầm theo 01 con dao, Ninh Văn T2 cầm theo 01 con dao, còn A không cầm theo đồ vật gì. Khi nhóm A đến thì thấy quán điện tử Big Game đóng cửa nên Nguyễn Văn T1, A, C3, D1, T13, Ninh Văn T2 đứng phía ngoài gọi cửa nhưng không thấy ai trả lời và mở cửa. Sau đó Nguyễn Văn T1, A, C3, D1, T13 và Ninh Văn T2 quay lại quán anh T9 uống rượu tiếp. Quá trình uống rượu thì P1 được H3 đưa về nhà trước. Khoảng 15 phút sau, bà Trịnh Thị P, sinh năm 1968 ở thôn C, xã T (là mẹ Nguyễn Văn T1) điện thoại báo Nguyễn Văn T1 cho người về trông nhà, nên Nguyễn Văn T1 bảo D1 và T13 cầm theo 02 con dao đi về trước, H3 lái xe ô tô chở D1 và T13 về nhà Nguyễn Văn T1, còn C3 cũng bỏ đi chơi. Sau khi D1, T13 và C3 đi về thì T14 và T6 cũng về, còn H1 mượn xe mô tô của anh T9 đi về. Lúc này, tại quán anh T9 còn lại Nguyễn Văn T1, A, Ninh Văn T2 và Hoàng Cao C4. Sau đó, Nguyễn Văn T1 điện thoại cho Hoàng Tùng L1, sinh năm 1970, ở phố CT, thị trấn CG nói cho L1 biết muốn tìm T12 để đánh vì biết L1 chơi với T12, T1 nói với L1 đến gọi T12 ra để nói chuyện, L1 đồng ý. Nguyễn Văn T1 điện thoại cho H3 đi xe ô tô sang thị trấn CG đón L1. Sau khi ăn đêm xong, Nguyễn Văn T1 trả tiền ăn cho anh T9 và đi ra cửa quán thì thấy Ninh Văn T2 tay cầm 02 con dao gồm: 01 con dao chuôi gỗ được cuốn băng dính màu đen, 01 con dao thường gọi là dao “*Giọt lệ*” trong số 04 con dao mà A mang theo từ nhà, Ninh Văn T2 đưa cho Nguyễn Văn T1 01 con dao “*Giọt lệ*”, còn Ninh Văn T2 cầm con dao chuôi cuốn băng dính màu đen. Sau đó Nguyễn Văn T1, A và Ninh Văn T2 đi bộ xuống quán điện tử Big Game tiếp tục tìm T12. Do thấy A say rượu, nên C4 điện thoại báo P1 đến đón A, P1 đồng ý và bảo C4 đến đón thì C4 lái xe đến thôn C, xã T đón P1. Sau khi uống rượu cùng nhóm A xong, H1 về nhà ngủ thì có một người đàn ông gọi điện thoại đến bảo H1 ra đưa A về, H1 đi xe mô tô mượn của anh T9 lúc trước ra đón A. Khi Nguyễn Văn T1, A và Ninh Văn T2 xuống đến quán điện tử Big Game lần 2 vẫn đóng cửa, Nguyễn Văn T1 đứng ở ngoài gọi cửa, nhưng không có ai trả lời và mở cửa nên Nguyễn Văn T1 dùng con dao “*Giọt lệ*” chém nhiều nhát vào cửa cuốn bằng kim loại của quán điện tử Big Game và bị thủng, trầy xước 08 lỗ. Lúc này, T12 vẫn ở trong quán điện tử và biết Nguyễn Văn T1, Ninh Văn T2 tìm đánh, T12 biết Ninh Văn T2 đang có mâu thuẫn với Nguyễn Minh H2, sinh năm 1989, ở phố CT, thị trấn CG, nên T12 nhắn tin vào số điện thoại của H2 với nội dung là Ninh Văn T2 đang tìm đánh T12. Lúc này, Nguyễn Văn T15, sinh năm 1994, ở thôn M1, xã P đang ở nhà H2 cùng

với H2 và Phạm Văn P, sinh năm 1993, ở thôn C, xã P, T15 đang cầm điện thoại của H2, nên T15 đã dùng điện thoại của H2 gọi hỏi T12 đang ở đâu, thì T12 nói đang ở quán điện tử bên Ba Gốc, thuộc ĐQ, xã B. Sau đó T15 nói với H2 “*T12 bảo sang xã B chơi*” và T15 điều khiển xe mô tô chở H2, còn P đi một xe mô tô rồi cùng nhau sang khu vực B. Do không ai mở cửa quán điện tử Big Game, Nguyễn Văn T1 và Ninh Văn T2 tiếp tục cầm dao và cùng A đi sang nhà T12 ở thôn Đ, xã B, Nguyễn Văn T1 và Ninh Văn T2 vào gọi cửa, A đứng ở trước cửa nhà T12. Do không có ai trả lời và mở cửa, Nguyễn Văn T1 dùng con dao “*Giọt lệ*” đâm 01 nhát vào cánh cửa xếp bằng kim loại của gia đình nhà T12, làm cửa bị thủng 01 lỗ. Sau khi H3 chở L1 đến, Nguyễn Văn T1 trả tiền công thuê xe cho H3 300.000 đồng rồi bảo H3 về trước. Khi L1 xuống xe ô tô đã điện thoại nói chuyện với T12, còn Nguyễn Văn T1, A và Ninh Văn T2 tiếp tục đi bộ quay lại cửa quán điện tử Big Game. Lúc này, Nguyễn Văn T1 cầm 01 con dao đứng trước cửa quán, Ninh Văn T2 cầm 01 con dao đi vào lối đi sát phía bên phải quán điện tử để phục xem T12 có đi ra phía cửa sau không, còn A đứng trước cửa quán. Khi đó C4 cũng đi xe ô tô chở P1 đến đỗ ở rìa đường trước cửa quán điện tử, H1 cũng đi xe mô tô đến đỗ sau xe ô tô của C4. Thấy A, P1 ngồi trong xe ô tô kéo cửa kính phía trước bên phụ xuống và bảo A đi về, A chưa kịp nói gì thì thấy Nguyễn Văn T15 điều khiển mô tô chở H2 đến đỗ xe, cách vị trí Ninh Văn T2 khoảng 05 đến 07 mét, còn P đi xe mô tô một mình đến đỗ xe ở rìa đường. Sau khi đỗ xe, T15 nói “*Thằng T1 L nó cầm dao kìa*” và xuống xe cầm 01 chiếc khóa dây màu xanh xông đến thì Ninh Văn T2 sợ cầm dao bỏ chạy theo hướng xã B đi xã T, T15 tiếp tục đuổi theo Ninh Văn T2. Thấy T15 đuổi theo Ninh Văn T2 thì Nguyễn Văn T1 cầm con dao “*Giọt lệ*” đuổi theo T15, còn H2 đi bộ theo sau thì Hoàng Văn A hô “*T1 ơi không phải chạy đâu*” nhưng Nguyễn Văn T1 vẫn cầm dao đuổi theo T15, A liền cầm lấy 02 con dao nhọn đều có chuôi cuốn băng dính màu đen ở hai tay rồi đi bộ nhanh phía sau Nguyễn Văn T1. Khi thấy Nguyễn Văn T1, A cầm dao đuổi theo T15 thì C4, P1 xuống xe ô tô lấy xe mô tô của H1 đi về hướng xã T, còn H1 lái xe ô tô của C4 lên khu vực ngã tư BG rồi đỗ xe ở lối rẽ đi xã Đ. Khi Ninh Văn T2 bỏ chạy đến ngã tư BG thuộc ĐQ, xã B thì chạy rẽ vào đường đi nhà máy gạch xã B. Lúc này, T15 biết Nguyễn Văn T1 cầm dao đuổi theo, nên tiếp tục bỏ chạy trên đường nhựa theo hướng xã B đi xã T, chạy được một đoạn thì T15 chạy rẽ sang phía bên phải đường để vào khu vực chợ đang xây dựng thuộc thôn Đ, xã B, thì Nguyễn Văn T1 vẫn đuổi theo phía sau. Khi T15 chạy còn cách lối vào cổng chợ khoảng 05m đến 07 mét thì Nguyễn Văn T1 đuổi đến, cách phía sau lưng T15 khoảng 01 mét và cầm dao tay phải giơ dao lên chém về phía T15 01 nhát, nhưng do T15 vừa chạy vừa ngoảnh mặt lại sang phải nhìn về phía Nguyễn Văn T1 và đã bị vấp ngã nên không trúng người T15. Sau khi bị ngã, T15 tiếp tục đứng dậy chạy vào phía trong

chợ, Nguyễn Văn T1 tiếp tục cầm dao đuổi theo vào phía trong chợ khoảng 02 mét thì T15 đứng lại, T1 đuổi theo đến thì T15 nói “*Em T15 đây*”. Lúc này, Nguyễn Văn T1 nhìn thấy tay T15 cầm 01 chiếc khóa dây màu xanh nên hỏi “*Mày làm cái gì đấy*”, đồng thời tay phải Nguyễn Văn T1 cầm dao giơ lên chém tiếp về phía T15 01 nhát, nhưng T15 lùi và né tránh thì bị ngã, nên không trúng người T15. Đúng lúc đó Trịnh Đăng D, sinh năm 1992, ở phố T, thị trấn B có mặt chạy đến ôm Nguyễn Văn T1 từ phía sau để can ngăn và hô T15 chạy đi, T15 đứng dậy tay vẫn cầm chiếc khóa dây, Nguyễn Văn T1 nghĩ T15 định chống lại nên hỏi “*Mày rút cái gì ra đấy*”, đồng thời Nguyễn Văn T1 vung hai tay lên làm tay D rời ra khỏi người và tiến đến đứng cách T15 khoảng 01m rồi cầm dao tay phải giơ lên chém tiếp 01 nhát về phía T15, nhưng T15 né người và bỏ chạy tiếp vào phía trong chợ nên không trúng đã bị rơi chiếc khóa dây màu xanh. T15 bỏ chạy tiếp vào phía trong chợ được khoảng 02m đến 03 mét thì lại bị ngã ngổl bệt xuống nền đất người hơi ngửa, hai tay chống ra phía sau, chân phải duỗi, chân trái co, mặt nhìn hướng ra phía đường xã B đi thị trấn CG. Thấy vậy, Nguyễn Văn T1 tay phải cầm con dao tiến đến đứng trước mặt T15 giơ dao dọa và chỉ con dao về phía T15 hỏi “*Sao lại đuổi T1*”, Nguyễn Văn T1 thấy T15 rất mệt và không dám đứng dậy. Lúc này, Hoàng Văn A mỗi tay cầm 01 con dao nhọn đi đến thì D can ngăn, nhưng A vẫn tiến đến đứng phía bên trái và cách T15 khoảng 30cm đến 40cm rồi A cầm con dao ở tay phải, chuôi dao hướng lên trên, mũi dao hướng xuống dưới đâm 01 nhát theo chiều từ trên xuống dưới trúng vào đùi bên phải gây thương tích cho T15. Sau khi đâm T15, A cầm 02 con dao, Nguyễn Văn T1 cầm 01 con dao đi bộ quay lại khu vực ngã tư BG, thuộc thôn Đ, xã B. Sau khi bị thương, T15 được P, H2, D và Chu Đức T5, sinh năm 1986 ở phố CT, thị trấn CG có mặt đưa đến Phòng khám đa khoa chất lượng cao xã B và Bệnh viện đa khoa huyện Y cấp cứu, nhưng do thương tích nặng nên T15 đã chết. Sau khi A và Nguyễn Văn T1 quay lại ngã tư BG thì thấy H1 đang ở đó nên ngồi uống nước cùng H1, còn C4, P1 đang ngồi trong xe ô tô của C4 đỗ ở lối rẽ đi xã Đ. Sau đó, Nguyễn Văn T1 điện thoại báo Ninh Văn T2 mang con dao đang cầm ra đưa cho Nguyễn Văn T1. Sau khi đưa dao cho Nguyễn Văn T1 thì Ninh Văn T2 bỏ về nhà Nguyễn Văn T1 ở thôn C, xã T ngù. Lúc này, Nguyễn Thị L, sinh năm 1991 và chồng là Bùi Mạnh C1, sinh năm 1992, đều ở thôn Đ, xã B là chị gái ruột và anh rể của T12 có mặt đến chỗ Nguyễn Văn T1, A và H1 ngồi uống nước. L hỏi về việc T12 bị tìm đánh thì bị H1 dùng tay đâm L, C1 mỗi người 01 phát vào má phải rồi đuổi, thì L, C1 đi về. Sau đó H1 cùng Nguyễn Văn T1 và A lên xe ô tô C4 để đi về thì A cầm theo 02 con dao, T1 cầm theo 02 con dao lên xe ô tô, C4 chở P1, H1 và Nguyễn Văn T1 về nhà. Khi xuống xe ô tô, Nguyễn Văn T1 cầm theo 02 con dao gồm; 01 con dao chuôi được cuốn băng dính màu đen và 01 con dao thường gọi là dao “*Giọt lệ*” và khi biết tin

T15 chết, Nguyễn Văn T1 cầm theo 2 con dao bỏ trốn, còn A không muốn về nhà nên bảo C4 chở A và H1 về nhà H1 ở thôn T2, xã Đ để ngủ. Khi đến nhà H1, C4 kiểm tra trong xe ô tô thì phát hiện thấy có 02 con dao chuôi được cuốn băng dính màu đen của A để ở sàn xe ô tô phía sau, C4 đã lấy vớt 02 con dao vào vườn nhà H1 rồi lái xe ô tô đi về nhà.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 34/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn A, Nguyễn Văn T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

I. Về điều luật áp dụng, hình phạt:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 104; điểm b điểm p điểm q Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự; Điều 231, Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với Hoàng Văn A.

Xử phạt: Hoàng Văn A 06 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/4/2017.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 104; điểm b điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự; Điều 231, Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với Nguyễn Văn T1.

Xử phạt Nguyễn Văn T1 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/4/2017.

II. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 587; Điều 589; Điều 591; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Trần Thị C và bị cáo Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn A

Bị cáo Hoàng Văn A và Nguyễn Văn T1 phải liên đới bồi thường cho đại diện hợp pháp bị hại bà Trần Thị C số tiền 122.000.000 đồng, trong đó Hoàng Văn A bồi thường là 70.000.000 đồng, Nguyễn Văn T1 bồi thường là 52.000.000 đồng; Bị cáo A đã bồi 50.000.000 đồng còn tiếp tục phải bồi thường số tiền là 20.000.000 đồng; bị cáo T1 đã bồi thường 5.000.000 đồng còn tiếp tục phải bồi thường 47.000.000 đồng.

Buộc Nguyễn Văn T1 bồi thường cho chị Trịnh Thị H6 1.935.000 đồng và bà Dương Thị N2 272.526 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

III. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Áp dụng: Khoản 1, điểm a điểm đ Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 68,5cm lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 44,5cm chuôi dao bằng gỗ được cuốn băng dính đen dài 24cm; 01 con dao dài 69cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 44,5cm chuôi dao bằng gỗ được cuốn băng băng dính đen dài 24,5cm; 01 con dao thường gọi là dao “Giọt lệ” dài 53,5cm cả chuôi, phần lưỡi dao bằng kim loại màu đen, lưỡi dao dài 39,5cm, phần chuôi dao có lõi bằng kim loại hai mặt được ốp gỗ dài 14cm; 01 con dao dài 70cm cả chuôi, phần lưỡi dao bằng kim loại màu trắng mũi dao nhọn, lưỡi dao dài 45cm, chuôi dao bằng gỗ được cuốn băng dính màu đen dài 25cm; 01 đũa ống kim loại một đầu được gắn một lưỡi dao nhọn, đoạn ống kim loại dài 1,38m, phần ống kim loại dài 1,25m, phần lưỡi dao dài 13cm; 01 bao tơ rứa màu xanh; 01 (Một) áo chống rét, 01 (Một) áo phông cộc tay, 01 (Một) quần bò; 01 (Một) mũ lưỡi; 01 (Một) khẩu trang giấy; 01 (Một) chìa khóa nhãn hiệu “Việt Tiệp”, 01 (Một) chùm chìa khóa có 02 (Hai) chìa khóa nhãn hiệu “HONDA”, 01 (Một) chiếc kéo nhỏ, 01 (Một) chiếc khóa dây màu xanh một đầu có chìa khóa cắm ở ổ khóa.

Trả lại Hoàng Văn A: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu tím đen có số IMEI trên thân máy là 356245/04/186248/4 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu hồng đậm có số IMEI trên thân máy là 356345/05/173246/8. Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

IV. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Văn A.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.460.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 09/10/2017 người đại diện hợp pháp cho người bị hại bà Trần Thị C nộp đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 34/2017/HS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo T1 và bị cáo A, đề nghị bị cáo T1 phải bồi

thường ngay số tiền còn lại 47.000.000 đồng; Ngày 09/10/2017 bị cáo Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Ngày 27/10/2017 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N2 nộp đơn kháng cáo về phần trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo T1, bà yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T1 phải sửa lại cửa như trước.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 năm tù là nặng.

Bà Trần Thị C vắng mặt.

Bà Dương Thị N2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo phần trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo T1, bà chỉ yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T1 phải sửa lại cửa như trước.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX:

- + Không chấp nhận kháng cáo của: Đại diện người bị hại bà Trần Thị C; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N2.

- + Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1, sửa một phần bản án sơ thẩm. Giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn T1 05 năm tù.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo T1 phát biểu lời bào chữa:

- + Bị cáo T1 bị truy tố xét xử về tội “Cố ý gây thương tích là không đúng”, mức bồi thường là không đúng.

- Bị cáo T1 đồng ý với lời bào chữa của luật sư và không bổ sung ý kiến gì.

- Kiểm sát viên đáp lại: Hành vi của bị cáo T1 như T1 khai, T1 có cầm dao khống chế và đe dọa người bị hại, dẫn đến bị cáo A mới đâm được người bị hại. Bị cáo T1 có tội, tội “Cố ý gây thương tích”.

Các bị cáo không tranh luận gì.

Bà N2 không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị C và bà Dương Thị N2 đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

Việc bà Trần Thị C là đại diện hợp pháp cho người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1 thấy: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 06 năm tù là tương xứng với tính chất,

mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo, không nặng. Tuy nhiên cấp sơ thẩm xác định bị cáo T1 là tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung là không đúng, mà chỉ là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, tuy nhiên người bị hại chết không phải do hành vi của bị cáo trực tiếp gây nên.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là đã bồi thường cho đại diện người bị hại 47.000.000 đồng, nộp tiền trước khi thi hành án, đại diện người bị hại rút đơn kháng cáo và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nên HĐXX có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho người bị hại bà Trần Thị C thấy: Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn A và bị cáo Nguyễn Văn T1 đều thừa nhận đêm ngày 03/4/2017, rạng sáng ngày 04/4/2017, tại Thôn Đ, xã B, huyện Y. Mặc dù không có mâu thuẫn gì với Nguyễn Văn T15 nhưng khi thấy T15 đuổi theo Ninh Văn T2 là bạn của A và T1; Nguyễn Văn T1 cầm 01 con dao nhọn, Hoàng Văn A mỗi tay cầm 01 con dao nhọn đuổi theo để chém Nguyễn Văn T15. Nguyễn Văn T1 cầm dao tay phải chém T15 03 nhát nhưng không trúng, khi thấy T15 ngã Hoàng Văn A xông đến dùng tay phải cầm dao đâm 01 nhát trúng vào đùi phải Nguyễn Văn T15. Hậu quả làm T15 chết. Mục đích A và T1 đuổi chém, đâm T15 để gây thương tích cho T15. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan, sai.

Xét yêu cầu kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn A: Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm quyền được bảo vệ về sức khỏe của công dân, gây thiệt hại về sức khỏe của người khác được luật pháp bảo vệ làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Án sơ thẩm sau khi xem xét, đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của các bị cáo đã xử phạt bị cáo Hoàng Văn A 06 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo A có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là đã tác động mẹ đẻ đã bồi thường được 20 triệu đồng cho gia đình người bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nên HĐXX không có căn cứ để

chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị C yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn A.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo cùng đại diện người bị hại đã tự thỏa thuận về mức bồi thường và được Tòa án chấp nhận nên kháng cáo của bà Trần Thị C về vấn đề này không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N2 thấy: Bị cáo Nguyễn Văn T1 đã có hành vi dùng dao chém nhiều nhát liên tiếp vào cửa của gia đình bà Dương Thị N2 làm cửa của gia đình bà N2 bị hư hỏng. Tại Kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐGTS ngày 27/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: Chi phí để thay thế sửa chữa cửa xếp của gia đình bà Dương Thị N2 là: 272.576 đồng. Bản án sơ thẩm đã xét xử và tuyên buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 bồi thường cho bà Dương Thị N2 số tiền 272.526 đồng là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật. Do vậy yêu cầu kháng cáo của bà N2 về yêu cầu bị cáo T1 phải sửa lại cửa như cũ cho gia đình bà là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1 được chấp nhận nên bị cáo T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do kháng cáo của bà Trần Thị C không được chấp nhận nhưng thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên cần miễn toàn bộ án phí phúc thẩm cho bà Trần Thị C.

Do kháng cáo của bà Dương Thị N2 không được chấp nhận nên cần áp dụng điểm e khoản 2 điều 23, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bà Dương Thị N2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1, Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị C là đại diện hợp pháp cho người bị hại, bà Dương Thị N2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn A, Nguyễn Văn T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng: Khoản 3 Điều 104; các điểm b, p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự đối với Hoàng Văn A.

Xử phạt: Hoàng Văn A 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/4/2017.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 104; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 45; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn T1.

Xử phạt Nguyễn Văn T1 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/4/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 587; Điều 589; Điều 591; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Trần Thị C và bị cáo Nguyễn Văn T1, Hoàng Văn A.

Bị cáo Hoàng Văn A và Nguyễn Văn T1 phải liên đới bồi thường cho đại diện hợp pháp bị hại bà Trần Thị C số tiền 122.000.000 đồng, trong đó Hoàng Văn A bồi thường là 70.000.000 đồng, Nguyễn Văn T1 bồi thường là 52.000.000 đồng; Bị cáo A đã bồi 50.000.000 đồng còn tiếp tục phải bồi thường số tiền là 20.000.000 đồng; bị cáo Tuấn đã bồi thường 5.000.000 đồng còn tiếp tục phải bồi thường 47.000.000 đồng.

Buộc Nguyễn Văn T1 bồi thường cho chị Trịnh Thị H6 1.935.000 đồng và bà Dương Thị N2 272.526 đồng.

Xác nhận Nguyễn Văn T1 đã nộp số tiền 4.867.526 đồng tại Biên lai thu tiền số: AA/2010/006928 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Xác nhận Nguyễn Văn T1 đã bồi thường số tiền 47.000.000 đồng cho bà Trần Thị C là đại diện hợp pháp cho người bị hại.

Xác nhận Hoàng Văn A đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho đại diện hợp pháp người bị hại.

[2] Án phí:

Áp dụng Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bị cáo T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Áp dụng Điểm d Khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, miễn toàn bộ án phí phúc thẩm cho bà Trần Thị C.

Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 23, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bà Dương Thị N2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Công an, VKS, TAND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bạch Đăng Thi